TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐST-HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Mai Thị L, sinh năm 1980; căn cước công dân số 05118001xxxx, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Bình T, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Trần Thanh T, sinh năm 1980; căn cước công dân số 05108001xxxx, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/8/2021; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Bình T, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị L và ông Trần Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 12,

quyển số 01, ngày 14/02/2006. Quá trình chung sống, giữa bà L và ông T xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc nên ông, bà thống nhất ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy việc bà L và ông T cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế và quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa ông, bà.

[2] Về con chung: Bà L và ông T xác định giữa ông, bà có hai con chung, gồm: Trần Tuấn K, sinh ngày 07/3/2007 và Trần Tuấn Kh, sinh ngày 13/4/2015. Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy thỏa thuận về việc nuôi con giữa bà L và ông T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông T thỏa thuận về việc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cháu Trần Tuấn Kh, mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Đối với cháu Trần Tuấn K, bà L và ông T thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con giữa bà L và ông T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà L và ông T xác định giữa ông, bà không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị L và ông Trần Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01, ngày 14/02/2006 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho bà Mai Thị L và ông Trần Thanh T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban

hành quyết định này (ngày 15/10/2024).

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 07/3/2007 và cháu Trần Tuấn Kh, sinh ngày 13/4/2015 cho bà Mai Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

1.3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cháu Trần Tuấn Kh, mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 15/10/2024 đến khi cháu Trần Tuấn Kh đủ 18 tuổi. Bà Mai Thị L là người đại diện cho con chung chưa thành niên yêu cầu ông Trần Thanh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

1.5. Về nợ chung: Bà L và ông T xác định giữa ông, bà không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Mai Thị L và ông Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền ông, bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003219 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Bình Sơn.

3. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Võ Thị Tương